

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: **10** /2016/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày **31** tháng **3** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Quy định về quản lý các nhiệm vụ
khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19.6.2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03.12.2004;
Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18.6.2013;
Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27.01.2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;
Căn cứ Kết luận phiên họp thường kỳ UBND tỉnh tháng 3 năm 2016;
Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 111/TTr-SKHCN ngày 11/3/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 104/2004/QĐ-UB ngày 02.7.2004 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và tổ chức triển khai thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ của tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Bộ: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ (b/c);
- TTTU, TT HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- các Thành viên UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các P.CVP;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT-TH, CN.XDCB.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiên Nhung

QUY ĐỊNH

**Về quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

(Kèm theo Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là KH&CN) cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động KH&CN, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, bao gồm:

- a) Chương trình khoa học và công nghệ;
- b) Đề án khoa học và công nghệ;
- c) Đề tài khoa học và công nghệ (bao gồm: đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm; đề tài áp dụng, nhân rộng các tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống);
- d) Dự án sản xuất thử nghiệm;
- đ) Dự án khoa học và công nghệ;
- e) Đề tài KH&CN và dự án KH&CN tiềm năng;
- g) Các nhiệm vụ KH&CN khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao trực tiếp sau khi có kết quả phê duyệt đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là đề xuất đặt hàng) là các yêu cầu đặt ra cho KH&CN dưới dạng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh nhằm thực hiện yêu cầu của Tỉnh ủy, UBND tỉnh hoặc đáp ứng nhu cầu thực tiễn của công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và phát triển khoa học và công nghệ của địa phương do các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, cá nhân) đề xuất với UBND tỉnh để đặt hàng các tổ chức và cá nhân thực hiện.

Điều 3. Tiêu chí xác định nhiệm vụ KH&CN

1. Có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi tỉnh;

2. Giải quyết các vấn đề KH&CN trong phạm vi tỉnh;
3. Có sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN của tỉnh;
4. Không trùng lặp với các chương trình, dự án khác của tỉnh.

Điều 4. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

1. Hội đồng tư vấn KH&CN cấp tỉnh bao gồm:
 - a) Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN;
 - b) Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH&CN;
 - c) Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN;
 - d) Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập các hội đồng nói trên.

3. Nguyên tắc làm việc và trách nhiệm của hội đồng thực hiện theo quy định tại Điều 33 và Điều 35 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 5. Ứng dụng, triển khai kết quả nghiên cứu KH&CN

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề xuất đặt hàng thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm ứng dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN sau khi được đánh giá, nghiệm thu và định kỳ hàng năm gửi báo cáo kết quả ứng dụng về Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc yêu cầu và hướng dẫn của bên đặt hàng.

Chương II

QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 6. Quy trình quản lý

1. Xác định nhiệm vụ KH&CN (cụ thể tại Chương III Quy định này);
2. Tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN (cụ thể tại Chương IV Quy định này);
3. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN;
4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện;
5. Đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN (quy định cụ thể tại Chương V Quy định này);
6. Công nhận và chuyển giao kết quả;
7. Thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN;
8. Xử lý nhiệm vụ KH&CN không đạt yêu cầu.

Điều 7. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN với tổ chức, cá nhân trúng tuyển hoặc được giao chủ trì các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

2. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 27 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 và theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2014/TT-BKH&CN ngày 10/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”.

Điều 8. Báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN

1. Định kỳ 06 tháng một lần hoặc theo yêu cầu đột xuất của cơ quan quản lý có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN xây dựng báo cáo tiến độ hoặc báo cáo theo yêu cầu gửi Sở Khoa học và Công nghệ. Trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì không thực hiện việc báo cáo tiến độ đúng quy định từ hai lần trở lên thì sẽ bị dừng cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ và xử lý theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ thực hiện, nội dung và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ KH&CN theo hợp đồng đã ký. Việc kiểm tra được tiến hành tại cơ quan quản lý hoặc ngoài thực địa tùy theo tính chất và yêu cầu của từng nhiệm vụ KH&CN. Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản lưu hồ sơ quản lý nhiệm vụ KH&CN.

Điều 9. Quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Việc dự toán, phân bổ, sử dụng, quản lý và thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hướng dẫn và quy định hiện hành.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định điều chỉnh về tổ chức chủ trì, mục tiêu, sản phẩm, tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã được phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ và của tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

2. Sở Khoa học và Công nghệ điều chỉnh các nội dung khác thuộc phạm vi hợp đồng đã ký trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức, cá nhân chủ trì, trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN chỉ được thực hiện 01 lần không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng và không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên. Trường hợp đặc biệt khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 11. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước được khuyến khích đăng ký, lưu giữ tại cơ quan có thẩm quyền tại địa phương sau khi có văn bản thẩm định kết quả của cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN.

Chương III

XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 12. Căn cứ xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Căn cứ chủ trương, định hướng của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngành và các địa phương.

2. Chiến lược phát triển KH&CN quốc gia; hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KH&CN của tỉnh; những vấn đề KH&CN đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết các vấn đề cấp thiết của tỉnh về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển KH&CN.

3. Đề xuất nhiệm vụ KH&CN của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong và ngoài tỉnh.

Điều 13. Nguyên tắc xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Có đủ căn cứ về tính cấp thiết và triển vọng đóng góp của các kết quả tạo ra vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển ngành, lĩnh vực hoặc địa phương.

2. Đáp ứng các tiêu chí của nhiệm vụ KH&CN quy định tại Điều 3 của Quy định này.

3. Có địa chỉ ứng dụng cụ thể và được lãnh đạo sở, ngành, địa phương hoặc tổ chức, cá nhân cam kết sử dụng kết quả tạo ra khi nhiệm vụ KH&CN hoàn thành. Tổ chức, cơ quan ứng dụng kết quả dự kiến có đủ năng lực để tiếp nhận và triển khai một cách hiệu quả sản phẩm tạo ra.

4. Có yêu cầu thời gian (tính từ thời điểm đặt hàng đến thời điểm có kết quả) phù hợp để bảo đảm tính khả thi cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 14. Yêu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN

1. Đối với các đề tài, dự án KH&CN phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

a) Tính mới, tính sáng tạo, tiên tiến về công nghệ;

b) Tính hiệu quả và tính khả thi trong triển khai thực hiện;

c) Kết quả các đề tài nghiên cứu, các mô hình ứng dụng KH&CN, dự án sản xuất thử nghiệm có khả năng áp dụng rộng rãi vào thực tiễn sản xuất và đời sống, đóng góp có hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Đối với đề án KH&CN:

Kết quả nghiên cứu là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế, chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại địa phương.

3. Đối với chương trình KH&CN phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

a) Có mục tiêu tạo ra kết quả khoa học và công nghệ phục vụ một trong những định hướng lớn sau: phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong một

hoặc một số lĩnh vực trong giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm; phát triển hướng công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của tỉnh;

b) Nội dung bao gồm những nhiệm vụ KH&CN có quan hệ trực tiếp và gián tiếp với nhau về chuyên môn;

c) Các kết quả khoa học và công nghệ đều thể hiện tính mới, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng cao và đáp ứng được các mục tiêu của chương trình;

d) Có thời gian thực hiện không quá 10 năm và tiến độ triển khai phù hợp với mục tiêu của chương trình.

Điều 15. Nội dung nhiệm vụ KH&CN đề xuất đặt hàng

1. Nhiệm vụ KH&CN đặt hàng được thể hiện qua tên gọi và hai mục: *Định hướng mục tiêu* và *Yêu cầu đối với kết quả* bảo đảm đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 14 Quy định này.

2. Mục *Yêu cầu đối với kết quả* cần bao gồm các thông số kỹ thuật, yêu cầu về số lượng, chất lượng hoặc chỉ tiêu định lượng, định tính cụ thể của sản phẩm tạo ra. Tùy theo từng loại hình nhiệm vụ KH&CN các yêu cầu này cần được thể hiện như sau:

a) Đối với đề tài nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ: nêu được các yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm tạo ra; phương án phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm;

b) Đối với đề tài khác: nêu được yêu cầu về tính mới, mức độ tiên tiến của sản phẩm, khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống và các yêu cầu khác;

c) Đối với dự án sản xuất thử nghiệm: nêu được các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của sản phẩm và quy mô sản xuất thử nghiệm;

d) Đối với đề án khoa học: nêu được các yêu cầu về tính khoa học và tính thực tiễn của sản phẩm và các yêu cầu khác;

đ) Đối với dự án KH&CN: các sản phẩm khoa học công nghệ cùng với các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng bảo đảm sự gắn kết và tính đồng bộ theo quy trình sản xuất hoặc chuỗi thời gian nhằm tạo ra sản phẩm chủ lực, sản phẩm ưu tiên của tỉnh;

e) Đối với chương trình KH&CN: nêu được các loại sản phẩm dự kiến, số lượng và các chỉ tiêu định lượng hoặc định tính tương ứng, bảo đảm sự gắn kết trực tiếp hoặc gián tiếp với nhau và thống nhất với mục tiêu đề ra.

Điều 16. Xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Định kỳ hoặc theo tính chất cấp thiết, các sở, ngành, địa phương xem xét lựa chọn các vấn đề khoa học và công nghệ để xây dựng đề xuất đặt hàng đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 13 Quy định này.

2. Các tổ chức KH&CN, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân có thể độc lập hoặc phối hợp với các sở, ngành, địa phương xây dựng đề xuất đặt hàng.

3. Đề xuất đặt hàng được xây dựng theo mẫu Phiếu đề xuất đặt hàng gửi về Sở Khoa học và Công nghệ theo hướng dẫn xây dựng kế hoạch KH&CN hàng năm.

Điều 17. Tổng hợp đề xuất đặt hàng

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất đặt hàng và xem xét, đánh giá sơ bộ về tính đầy đủ và cấp thiết của đề xuất đặt hàng.
2. Đề xuất đặt hàng được đánh giá “Đạt yêu cầu” khi đáp ứng hai tiêu chí sau:
 - a) Đầy đủ thông tin trong Phiếu đề xuất đặt hàng và phụ lục kèm theo;
 - b) Có đủ cơ sở về tính cấp thiết của nhiệm vụ đề xuất.
3. Các đề xuất đặt hàng được đánh giá “Đạt yêu cầu”, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lấy ý kiến Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.
4. Thời gian xem xét, đánh giá đề xuất đặt hàng thực hiện xong trong tháng 6 năm trước năm kế hoạch hoặc khi có yêu cầu về nhiệm vụ KH&CN cần giải quyết.

Điều 18. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN

1. Theo tiến độ và nội dung của các đề xuất đặt hàng, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng Tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN phù hợp với lĩnh vực của đề xuất đặt hàng. Hội đồng có thể tư vấn cho một hoặc một số đề xuất đặt hàng trong cùng lĩnh vực (khoa học xã hội và nhân văn, khoa học công nghệ) hoặc chuyên ngành khoa học và công nghệ.

2. Thành phần Hội đồng có từ 07 đến 09 thành viên, được lựa chọn từ các thành viên Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh có chuyên môn phù hợp để tham gia các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN thuộc các lĩnh vực, các chuyên ngành tương ứng. Hội đồng có Chủ tịch, Phó chủ tịch, uỷ viên thư ký và các uỷ viên.

Trong trường hợp cần thiết có thể mời một số chuyên gia, cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn phù hợp tham gia ý kiến với Hội đồng.

3. Trình tự và nội dung làm việc của Hội đồng

a) Uỷ viên thư ký công bố quyết định thành lập Hội đồng và tóm tắt các yêu cầu đối với Hội đồng;

b) Chủ tịch Hội đồng chủ trì các phiên họp của Hội đồng. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng uỷ quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch chủ trì phiên họp;

c) Các thành viên Hội đồng thảo luận theo các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều này;

d) Các thành viên Hội đồng đánh giá đề xuất đặt hàng và bỏ phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng theo mẫu quy định;

đ) Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Hội đồng và công bố công khai kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp của Hội đồng;

Đề xuất đặt hàng được đề nghị cho thực hiện khi có ít nhất là 2/3 số phiếu của các thành viên có mặt đánh giá đạt yêu cầu;

e) Đối với đề xuất đặt hàng được đề nghị thực hiện, Hội đồng có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện các mục của nhiệm vụ KH&CN đặt hàng và kiến nghị về phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp);

Trường hợp có 2 đề xuất đặt hàng trở lên đối với cùng một nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng biểu quyết việc xếp thứ tự ưu tiên cho các nhiệm vụ KH&CN đặt hàng;

g) Đối với đề xuất đặt hàng được đề nghị không thực hiện, Hội đồng thống nhất ý kiến đánh giá về lý do không đề nghị thực hiện;

h) Ủy viên thư ký lập biên bản làm việc của Hội đồng theo mẫu quy định.

4. Nội dung thảo luận của Hội đồng

Hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá đề xuất đặt hàng về các nội dung theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 19. Phê duyệt nhiệm vụ KH&CN đặt hàng

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ rà soát trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng, xem xét các ý kiến tư vấn của Hội đồng đối với nhiệm vụ KH&CN đặt hàng theo các yêu cầu nêu tại Điều 14 Quy định này. Trường hợp cần thiết Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lấy ý kiến tư vấn của một đến hai chuyên gia tư vấn hoặc thành lập Hội đồng khác để xác định lại nhiệm vụ KH&CN và lấy ý kiến của các cơ quan liên quan.

2. Trên cơ sở kết quả của việc rà soát và ý kiến tư vấn quy định tại Khoản 1 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh mục các nhiệm vụ KH&CN đặt hàng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Danh mục nhiệm vụ KH&CN đặt hàng trình UBND tỉnh phê duyệt bao gồm 2 nhóm: các nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì và các nhiệm vụ KH&CN giao trực tiếp.

4. Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả xác định nhiệm vụ KH&CN cho các sở, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có đề xuất đặt hàng trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ KH&CN đặt hàng.

Chương IV

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ KH&CN

Điều 20. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN

1. Các tổ chức khoa học và công nghệ có đăng ký hoạt động KH&CN, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ KH&CN; các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện tiếp nhận ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ KH&CN áp dụng vào sản xuất và đời sống, đồng thời không thuộc vào một trong các trường hợp sau đây, đều có quyền đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc được giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

a) Đến thời điểm nộp hồ sơ chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trước đây;

b) Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh khác chậm so với thời hạn hợp đồng trên 03 tháng mà không có ý kiến chấp thuận của Sở Khoa học và Công nghệ sẽ không được tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng;

c) Không thực hiện nghĩa vụ đăng ký, nộp lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước hoặc không báo cáo ứng dụng kết quả của nhiệm vụ theo quy định sẽ không được tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp trong thời hạn 02 năm;

d) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ hoặc sau khi kết thúc mà không triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống không được tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp trong thời hạn 03 năm, tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối với cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

a) Có trình độ đại học trở lên;

b) Có chuyên môn hoặc vị trí công tác phù hợp với nhiệm vụ KH&CN trong 03 năm gần đây, tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Là người chủ trì hoặc tham gia chính xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc được xét giao trực tiếp;

d) Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu, triển khai, ứng dụng của nhiệm vụ KH&CN.

3. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không được tham gia làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN:

a) Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ vẫn đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh khác;

b) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh chậm theo quy định hiện hành từ 30 ngày đến 03 tháng mà không có ý kiến chấp thuận của Sở Khoa học và Công nghệ sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn 02 năm;

c) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN được đánh giá nghiệm thu ở mức không đạt mà không được Sở Khoa học và Công nghệ gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả, hoặc được gia hạn nhưng hết thời hạn cho phép vẫn chưa hoàn thành kết quả sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn 03 năm kể từ thời điểm có kết luận của Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

d) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN các cấp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện và truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn 05 năm kể từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Thành viên chính thức tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu, triển khai, ứng dụng của nhiệm vụ được duyệt. Số thành viên ghi tên chính thức tham gia thực hiện một nhiệm vụ KH&CN không quá 07 người (kể cả chủ nhiệm nhiệm vụ). Trường hợp do yêu cầu nhiệm vụ, quy mô, khối lượng công việc... Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trao đổi, thống nhất với cơ quan chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ để quyết định, nhưng nhiều nhất cũng không quá 10 người (trừ các chương trình, đề án, dự án KH&CN).

Điều 21. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp (sau đây gọi tắt là hồ sơ) gồm những văn bản (theo mẫu quy định) sau đây:

1. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì (nếu có);
2. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN;
3. Thuyết minh đề cương nghiên cứu;
4. Lý lịch khoa học của chủ nhiệm và các thành viên;
5. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì (nếu có);
6. Quyết định cử chủ nhiệm đề tài, dự án và phân công nhiệm vụ các thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN của cơ quan chủ trì;
7. Biên bản thông qua thuyết minh đề cương của hội đồng KH&CN cơ sở (áp dụng đối với nhiệm vụ giao trực tiếp);
8. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp nghiên cứu (nếu có);
9. Văn bản pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ nguồn khác (nếu có).

Điều 22. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tuyển chọn

1. Thông báo tuyển chọn

a) Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai danh mục các nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn trên trang Thông tin điện tử của Sở hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác bao gồm: tên, mục tiêu, yêu cầu sản phẩm phải đạt và thời gian thực hiện của nhiệm vụ KH&CN; điều kiện và thủ tục tham gia tuyển chọn;

b) Thời hạn nhận hồ sơ tham gia tuyển chọn trong vòng 30 ngày, kể từ ngày có thông báo.

2. Đăng ký tuyển chọn

a) Hồ sơ đăng ký tuyển chọn

Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện theo Điều 21 Quy định này.

Tổ chức và cá nhân tham gia tuyển chọn gửi 01 bộ hồ sơ (gồm 01 bản gốc và 10 bản sao) đến Sở Khoa học và Công nghệ. Hồ sơ phải được niêm phong và gửi đến đúng thời gian quy định. Bên ngoài bộ hồ sơ phải ghi rõ:

- Tên nhiệm vụ KH&CN đăng ký tuyển chọn;
- Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN;
- Họ tên của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm;
- Liệt kê danh mục tài liệu, văn bản có trong hồ sơ.

b) Nộp hồ sơ tham gia tuyển chọn

Thời điểm nộp hồ sơ được xác định là ngày ghi trên dấu Bưu điện nơi đến (trường hợp gửi qua Bưu điện) hoặc dấu “Công văn đến” của văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (trường hợp gửi trực tiếp).

Khi chưa hết hạn nộp hồ sơ, tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn có quyền rút hồ sơ để thay thế hồ sơ mới hoặc bổ sung, sửa đổi hồ sơ tham gia tuyển chọn.

3. Mở hồ sơ

Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn, trong thời gian 10 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì việc tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ với sự chứng kiến của đại diện tổ chức hoặc cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn (do Sở Khoa học và Công nghệ mời).

Kết quả mở hồ sơ được ghi thành biên bản có chữ ký của đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, chữ ký của đại diện các tổ chức hoặc cá nhân tham gia. Những hồ sơ thỏa mãn các điều kiện quy định tại điểm b Khoản 1 và Khoản 2 Điều này sẽ được đưa vào xem xét đánh giá.

Điều 23. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ giao trực tiếp

1. Nội dung, tiêu chí, phương thức giao nhiệm vụ KH&CN giao trực tiếp được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo cho tổ chức được chỉ định chủ trì nhiệm vụ KH&CN xây dựng thuyết minh đề cương nghiên cứu. Tổ chức chủ trì thực hiện có trách nhiệm xây dựng thuyết minh đề cương nghiên cứu trong vòng 30 ngày kể từ ngày được thông báo.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức Hội đồng tư vấn giao trực tiếp xét duyệt đề cương nghiên cứu do tổ chức chủ trì xây dựng.

4. Đối với thuyết minh đề cương đạt yêu cầu, tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn chỉnh thuyết minh đề cương trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày xét duyệt và nộp cho Sở Khoa học và Công nghệ. Trường hợp thuyết minh đề cương không đạt yêu cầu, Hội đồng tư vấn xét duyệt đề cương có trách nhiệm đề xuất hình thức xử lý.

Trường hợp tổ chức và cá nhân chủ trì không hoàn chỉnh thuyết minh đề cương theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 24. Thẩm định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thẩm định về nội dung và kinh phí nhiệm vụ KH&CN. Tổ thẩm định do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập. Thành phần tham gia tổ thẩm định gồm các cán bộ quản lý và cán bộ khoa học có chuyên môn liên quan.

2. Kinh phí thẩm định được lấy từ kinh phí quản lý khoa học được phê duyệt hàng năm, định mức chi theo quy định hiện hành.

a) Thẩm định nội dung

Việc thẩm định nội dung được tiến hành trước khi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Tổ thẩm định có trách nhiệm xem xét tính hợp lý về nội dung thuyết minh đề cương, các văn bản của hồ sơ tham gia tuyển chọn. Kết quả thẩm định được lập thành biên bản.

b) Thẩm định về kinh phí

Thẩm định kinh phí được tiến hành sau khi tổ chức, cá nhân chủ trì hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ theo góp ý của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp.

Tổ thẩm định có trách nhiệm xem xét tính hợp lý của dự toán kinh phí các nội dung nhiệm vụ KH&CN theo các quy định hiện hành.

Điều 25. Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN

1. Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có từ 07 đến 09 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch, 02 uỷ viên phản biện, uỷ viên thư ký khoa học và các uỷ viên; Hội đồng có thư ký hành chính giúp việc.

2. Thành phần Hội đồng là các chuyên gia, cán bộ khoa học kỹ thuật có chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ KH&CN đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp; đại diện của cơ quan đặt hàng, cơ quan đề xuất đặt hàng, nhà quản lý hoặc nhà kinh doanh có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ tư vấn.

Trường hợp đặc biệt, cơ quan quản lý có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Hội đồng khác với quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau không được là thành viên Hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN:

a) Là chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện đối với nhiệm vụ KH&CN đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp;

b) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

4. Các chuyên gia, cán bộ khoa học kỹ thuật, các uỷ viên phản biện đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp đối với các nhiệm vụ KH&CN tương ứng.

Điều 26. Trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Thư ký hành chính đọc quyết định thành lập Hội đồng, biên bản mở hồ sơ (đối với nhiệm vụ tuyển chọn), giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự.

2. Ủy viên thư ký khoa học nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu về việc tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN.

3. Chủ tịch Hội đồng chủ trì các phiên họp của Hội đồng. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch hội đồng uỷ quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch chủ trì phiên họp.

4. Cá nhân được tổ chức đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cử làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN trình bày tóm tắt trước Hội đồng về đề cương nghiên cứu, đề xuất phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần; trả lời các câu hỏi của thành viên Hội đồng (nếu có) sau đó không tiếp tục tham dự phiên họp của Hội đồng.

5. Hội đồng tiến hành đánh giá, chấm điểm các hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trên cơ sở các tiêu chí, thang điểm theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

a) Các uỷ viên phản biện, uỷ viên Hội đồng trình bày nhận xét đánh giá từng hồ sơ và so sánh giữa các hồ sơ đăng ký theo các tiêu chí quy định;

b) Ủy viên thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng xem xét, tham khảo;

c) Hội đồng thảo luận, đánh giá từng hồ sơ theo các tiêu chí đánh giá quy định. Trong quá trình thảo luận Hội đồng có thể nêu câu hỏi đối với các uỷ viên phản biện, uỷ viên Hội đồng về ý kiến nhận xét;

d) Hội đồng cho điểm độc lập từng hồ sơ theo các tiêu chí, thang điểm quy định và bỏ phiếu đánh giá chấm điểm cho từng hồ sơ.

6. Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả bỏ phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng theo mẫu quy định.

7. Hội đồng công bố công khai kết quả chấm điểm đánh giá và thông qua biên bản làm việc của Hội đồng, kiến nghị tổ chức, cá nhân trúng tuyển hoặc được giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

a) Tổ chức, cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển là tổ chức, cá nhân có hồ sơ được xếp hạng với tổng số điểm trung bình của các tiêu chí cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên. Trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm);

b) Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì ưu tiên hồ sơ có điểm của Chủ tịch hội đồng cao hơn (kể cả trong trường hợp Phó chủ tịch Hội đồng được uỷ quyền chủ trì cuộc họp).

8. Hội đồng thảo luận để thống nhất kiến nghị

a) Những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, các sản phẩm KH&CN chính với những chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng phải đạt;

b) Số lượng chuyên gia trong và ngoài nước cần thiết để tham gia thực hiện;

c) Phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần;

d) Lưu ý những điểm cần chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ của tổ chức và cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển hoặc giao trực tiếp.

9. Ủy viên thư ký khoa học lập biên bản làm việc của Hội đồng theo mẫu quy định.

Điều 27. Phê duyệt kết quả tuyển chọn

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, xem xét hồ sơ và ra quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn; thông báo kết quả tuyển chọn trên trang Thông tin điện tử của Sở hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác, đồng thời gửi thông báo cho các tổ chức, cá nhân trúng tuyển kèm theo các nội dung yêu cầu để hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 10 ngày làm việc.

2. Trong vòng 10 ngày làm việc, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ và nộp cho Sở Khoa học và Công nghệ. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thẩm định và phê duyệt thuyết minh đề cương nhiệm vụ KH&CN.

3. Sau 10 ngày làm việc, nếu tổ chức, cá nhân trúng tuyển không hoàn chỉnh đề cương nghiên cứu theo quy định thì tổ chức, cá nhân có hồ sơ đạt tổng số điểm trung bình thấp hơn liền kề sẽ được chọn thay thế, nhưng vẫn phải bảo đảm đủ số điểm theo quy định.

Chương V

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 28. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cho Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Kết quả tự đánh giá được tổng hợp và báo cáo theo mẫu hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 29. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN

1. Thời hạn nộp hồ sơ

Việc nộp hồ sơ thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn kết thúc hợp đồng (nếu có).

2. Thành phần hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN:

- a) Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ của tổ chức chủ trì;
- b) Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chủ trì;
- c) Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN;
- d) Báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ của nhiệm vụ;
- đ) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ KH&CN;

- e) Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có);
- g) Tài liệu khác (nếu có).

Điều 30. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có từ 07 đến 09 thành viên bao gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch, 02 uỷ viên phản biện, uỷ viên thư ký khoa học và các uỷ viên khác; Hội đồng có thư ký hành chính giúp việc.

a) Thành phần Hội đồng là các chuyên gia, cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý, cán bộ đại diện cho tổ chức có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu, cơ quan đề xuất đặt hàng, trong đó có ít nhất 01 thành viên đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ;

b) Thành viên là chuyên gia khoa học và công nghệ quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều này làm việc tại tổ chức chủ trì có thể tham gia Hội đồng nhưng không được làm Chủ tịch, Phó chủ tịch, uỷ viên phản biện, uỷ viên thư ký khoa học.

2. Những trường hợp không được tham gia Hội đồng:

a) Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính hoặc phối hợp thực hiện nhiệm vụ;

b) Người đang bị xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động KH&CN hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xoá án tích;

c) Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ hoặc người có quyền và lợi ích liên quan khác;

d) Người có bằng chứng xung đột lợi ích với chủ nhiệm hoặc tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

3. Trường hợp đặc biệt, do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của nhiệm vụ, cơ quan quản lý có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Hội đồng khác với quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Thành phần tham dự các phiên họp của Hội đồng

Chủ nhiệm nhiệm vụ, đại diện tổ chức chủ trì, đại diện cơ quan chủ quản và các đơn vị có liên quan do Sở Khoa học và Công nghệ mời trong trường hợp cần thiết.

Điều 31. Phiên họp của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN

1. Tài liệu đánh giá, nghiệm thu được gửi đến các thành viên Hội đồng trước phiên họp ít nhất 05 ngày làm việc. Phiên họp Hội đồng được tổ chức trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng.

2. Trình tự làm việc của Hội đồng

a) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự;

b) Ủy viên thư ký khoa học nêu những nội dung, yêu cầu chủ yếu đối với việc đánh giá, nghiệm thu;

c) Chủ tịch Hội đồng chủ trì các phiên họp của Hội đồng. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng ủy quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch chủ trì phiên họp;

d) Chủ tịch Hội đồng thống nhất và thông qua nội dung làm việc của Hội đồng;

đ) Chủ nhiệm nhiệm vụ trình bày tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, báo cáo về sản phẩm KH&CN và báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ;

e) Các thành viên Hội đồng nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm nhiệm vụ về kết quả và các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ. Chủ nhiệm nhiệm vụ và các cá nhân có liên quan trả lời các câu hỏi của Hội đồng (nếu có) sau đó không tiếp tục tham dự phiên họp của Hội đồng;

g) Các ủy viên phản biện đọc nhận xét đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ; ủy viên thư ký khoa học đọc phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có); các thành viên Hội đồng nêu ý kiến trao đổi về kết quả nhiệm vụ;

h) Các thành viên Hội đồng đánh giá xếp loại nhiệm vụ theo mẫu quy định; Hội đồng tiến hành bỏ phiếu đánh giá kết quả nhiệm vụ;

i) Chủ tịch Hội đồng kết luận đánh giá của Hội đồng. Trường hợp Hội đồng đánh giá xếp loại “Không đạt” cần xác định rõ những nội dung đã thực hiện theo hợp đồng để cơ quan quản lý xem xét xử lý theo quy định hiện hành. Hội đồng thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận và thông qua biên bản;

k) Đại diện các cơ quan phát biểu ý kiến (nếu có);

l) Ủy viên thư ký khoa học lập biên bản làm việc của Hội đồng theo mẫu quy định.

3. Ý kiến kết luận của Hội đồng được Sở Khoa học và Công nghệ gửi cho tổ chức chủ trì trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp để làm căn cứ cho việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Điều 32. Nội dung, yêu cầu đối với sản phẩm và phương pháp đánh giá nhiệm vụ KH&CN

1. Nội dung đánh giá

a) Về báo cáo tổng hợp, cần đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực, hệ thống và khoa học của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn...);

b) Về sản phẩm của nhiệm vụ đặt hàng, bao gồm: số lượng, khối lượng, chất lượng, chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm;

2. Yêu cầu cần đạt đối với báo cáo tổng hợp

a) Tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ;

b) Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật;

c) Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được trình bày theo kết cấu hệ thống và khoa học, phản ánh trung thực kết quả thực hiện nhiệm vụ;

d) Kết cấu, nội dung, văn phong bảo đảm tính khoa học, phù hợp.

3. Yêu cầu đối với sản phẩm

Ngoài các yêu cầu ghi trong hợp đồng, thuyết minh nhiệm vụ, sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN cần phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

a) Đối với sản phẩm là mẫu, vật liệu, thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ, giống cây trồng, giống vật nuôi và các sản phẩm có thể đo kiểm cần được kiểm định, khảo nghiệm, kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, độc lập với tổ chức chủ trì nhiệm vụ;

b) Đối với sản phẩm là nguyên lý ứng dụng, phương pháp, tiêu chuẩn, quy phạm, phần mềm máy tính, bản vẽ thiết kế, quy trình công nghệ, sơ đồ, bản đồ, số liệu, cơ sở dữ liệu, báo cáo phân tích, tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình...); đề án, quy hoạch, luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm tương tự khác cần được thẩm định bởi Hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia do tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN thành lập;

c) Đối với sản phẩm là kết quả tham gia đào tạo sau đại học, giải pháp hữu ích, sáng chế cần có văn bản xác nhận của cơ quan chức năng phù hợp; bài báo khoa học cần đăng trên tạp chí có chỉ số ISSN (mã số tiêu chuẩn quốc tế).

4. Phương pháp đánh giá

a) Đánh giá của thành viên Hội đồng

- Mỗi loại sản phẩm của nhiệm vụ đánh giá trên các tiêu chí về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm theo 3 mức sau: “Xuất sắc” khi vượt mức so với đặt hàng; “Đạt” khi đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng; “Không đạt” khi không đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng;

- Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đánh giá theo 3 mức sau: “Xuất sắc” khi báo cáo tổng hợp đã hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 2 Điều này; “Đạt” khi báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện; “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên;

- Đánh giá chung nhiệm vụ theo 3 mức: “Xuất sắc” khi tất cả các tiêu chí về sản phẩm đều đạt mức “Xuất sắc” và báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên; “Đạt” khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu: tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng thì vẫn phải bảo đảm đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng), báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên; “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn (nếu có).

b) Đánh giá, xếp loại của hội đồng

- Mức “Xuất sắc” nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá ở mức “Không đạt”;

- Mức “Không đạt” nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt đánh giá mức “Không đạt”;

- Mức “Đạt” khi nhiệm vụ không thuộc hai trường hợp trên.

Điều 33. Công nhận và chuyển giao kết quả

1. Đối với nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng nghiệm thu đánh giá ở mức “Đạt” trở lên, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi có kết quả đánh giá, chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của Hội đồng.

2. Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, giám sát việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của nhiệm vụ và xác nhận về việc hoàn thiện hồ sơ của chủ nhiệm nhiệm vụ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét ban hành quyết định công nhận và chuyển giao kết quả nhiệm vụ KH&CN theo quy định của pháp luật hiện hành trên cơ sở kết quả đánh giá, nghiệm thu của Hội đồng cho cơ quan đề xuất đặt hàng và các tổ chức liên quan triển khai ứng dụng.

Điều 34. Thanh lý hợp đồng

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm thực hiện việc quyết toán kinh phí, giao nộp đầy đủ các sản phẩm theo hợp đồng ký kết, đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Khi tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN thực hiện đầy đủ các yêu cầu trên, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm cùng tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ lập biên bản thanh lý hợp đồng.

3. Trong trường hợp cơ quan chủ trì không bảo đảm các điều kiện nêu trên, sẽ bị xử lý theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 35. Xử lý các nhiệm vụ KH&CN không đạt yêu cầu

1. Trường hợp nhiệm vụ bị đình chỉ thực hiện khi kiểm tra định kỳ thì tổ chức chủ trì có trách nhiệm xác định những nội dung thực tế thực hiện và có văn bản đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét quyết toán một phần kinh phí.

2. Trường hợp nhiệm vụ xếp loại ở mức “Không đạt”, Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

3. Ngoài các trường hợp trên, nếu phát hiện có hành vi gian lận trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 36. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức xác định các nhiệm vụ KH&CN, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

2. Chủ trì thẩm định kinh phí, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí của nhiệm vụ, chủ trì cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

3. Chủ trì thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ; điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Quy định này.

4. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN; quyết định công nhận kết quả nghiệm thu, bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng kết quả KH&CN vào sản xuất và đời sống.

5. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 37. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan đề xuất đặt hàng

1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN.

3. Cử đại diện tham gia các cuộc họp Hội đồng tư vấn KH&CN theo đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý.

5. Ứng dụng các kết quả nghiên cứu theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này.

Điều 38. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Lựa chọn cá nhân thuộc tổ chức chủ trì có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm nhiệm vụ. Trường hợp thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ thì cá nhân được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 Quy định này. Việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ phải báo cáo bằng văn bản với Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với đơn vị quản lý; ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ.

4. Trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quy định này.

5. Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

6. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng theo quy định hiện hành.

7. Kiểm tra, đôn đốc chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện các nội dung công việc theo hợp đồng. Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ. Kiến nghị điều chỉnh khi cần để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ.

8. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Thực hiện việc công bố, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định hiện hành.

9. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 39. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ký hợp đồng với các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; chịu trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hóa sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ.

4. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết.

5. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ 06 tháng một lần, hoặc báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ với tổ chức chủ trì và cơ quan quản lý. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm vụ KH&CN.

6. Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và các quy định khác liên quan.

Chương VII **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 40. Hướng dẫn thi hành

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm cụ thể hoá các biểu mẫu và hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ để tổ chức thực hiện và hướng dẫn cho các tổ chức, đơn vị áp dụng; phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư dự kiến phân bổ ngân sách KH&CN hàng năm theo quy định.

Ban hành văn bản hướng dẫn về quản lý, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch ngân sách KH&CN hàng năm.

3. Các sở, ngành, địa phương và đơn vị trong tỉnh có trách nhiệm thực hiện và tổ chức các hoạt động KH&CN thuộc phạm vi đơn vị mình quản lý theo hướng dẫn nêu tại Quy định này và các văn bản liên quan;

Định kỳ hàng năm (trước ngày 30/11) báo cáo tình hình kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN ở sở, ngành, địa phương, đơn vị mình, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 41. Xử lý vi phạm

Các tổ chức, cá nhân không thực hiện đúng nội dung tại Quy định này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Điều chỉnh và bổ sung

1. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện có những vướng mắc phát sinh, các sở, ngành, địa phương, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Nường